

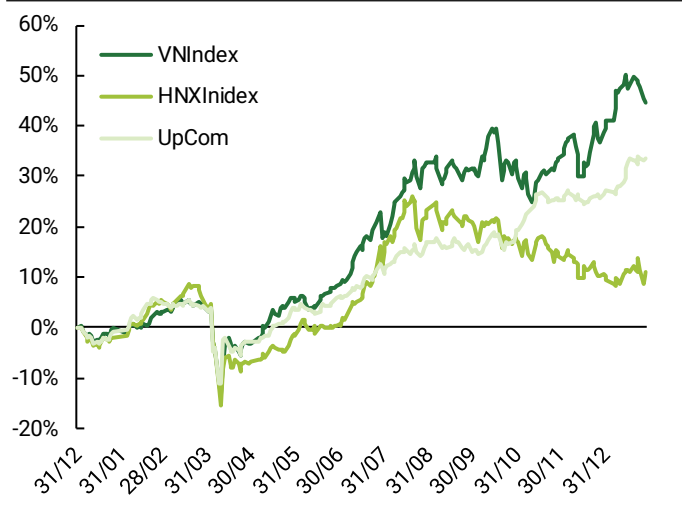
VN-Index **1830.5 (-0.72%)**
 844 Tr. cổ phiếu 25728.7 Tỷ VND (-20.30%)

HNX-Index **252.84 (2.24%)**
 62 Tr. cổ phiếu 1485.8 Tỷ VND (-25.84%)

UPCOM-Index **126.92 (0.28%)**
 48 Tr. cổ phiếu 719.5 Tỷ VND (-50.60%)

VN30F1M **2022.00 (-0.69%)**
 267,647 HD OI: 38,980 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1830.5, giảm -13.2 điểm (-0.72%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30 trang khi HNXIndex xanh.
- Điểm nhấn trong phiên:** Các cổ phiếu trụ bắt đầu phân hóa khi nhóm Vingroup quay lại tạo sức ép giảm điểm, trong khi đà tăng từ các trụ cột khác thuộc nhóm Dầu khí, Ngân hàng không đủ bù đắp.
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: HDB (+2.3%), SHB (+1.9%), MBB (+1.5%) | Tiện ích: GAS (+7.0%), NT2 (+2.5%) | Dịch vụ tài chính: ORS (+5.4%), VDS (+3.2%), HCM (+2.0%) | Hóa chất: GVR (+3.1%), DCM (+2.9%), PHR (+2.4%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Bất động sản: VHM (-7.0%), VIC (-5.6%), SJS (-5.1%) | Xây dựng và Vật liệu: VCG (-6.8%), CII (-3.9%), HT1 (-3.2%) | Thực phẩm và đồ uống: BAF (-4.4%), VHC (-2.5%) | Du lịch và Giải trí: HVN (-3.2%), SCS (-1.8%), VJC (-1.8%)
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, VCB, FPT, PLX, GVR - Chiều giảm | VIC, VHM, TCB, VPL, HVN
 Khối ngoại Bán ròng gần 111 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, VCB, VNM, trong khi mua ròng FPT, VCI, GAS.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- Áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối vận động của **VN-Index**, trong bối cảnh thị trường thiếu vắng động lực dẫn dắt đủ mạnh. Các cổ phiếu trụ cột trở lại phân hóa và chưa tạo được hiệu ứng phục hồi lan tỏa. Thanh khoản thị trường cũng suy giảm xuống dưới mức bình quân 20 phiên hàm ý lực cầu bắt đáy còn thận trọng và đứng ngoài quan sát. Việc vùng hỗ trợ quanh ngưỡng 1850 điểm đã bị phá vỡ khiến rủi ro giảm điểm gia tăng. Nếu các phiên tới chỉ số không sớm hồi phục và lấy lại ngưỡng này, kịch bản điều chỉnh về vùng hỗ trợ thấp hơn quanh mốc tâm lý 1800 điểm có khả năng xảy ra.
- HNX-Index cũng** kết phiên với mẫu hình nắn tăng Marubozu phủ định đà giảm của phiên trước. Dù vậy, khớp lệnh lại khá thấp hàm ý động lực mua lên chưa thuyết phục. Vận động có thể trở lại giằng co, kiểm định thêm khu vực quanh 250.
- Chiến lược chung:** Nhịp phục hồi nên tận dụng đưa tài khoản về tỷ trọng trung bình để chờ cơ hội mới xác nhận, cũng như phòng thủ trước kịch bản chỉ số có khả năng lùi về ngưỡng 1800 điểm. Theo dõi thêm quá trình kiểm định lại hỗ trợ ở các cổ phiếu, tránh hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Công nghệ.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi DBC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,830.5 ▼	-0.72%	-3.3%	5.8%	25,728.7 ▼	-20.3%	-30.9%	-21.4%	843.7 ▼	-28.1%	-22.2%	-22.1%				
HNX-Index	252.8 ▲	2.24%	-0.1%	0.9%	1,485.8 ▼	-25.8%	-30.4%	-29.7%	62.4 ▼	-31.2%	-30.9%	-38.5%				
UPCOM-Index	126.9 ▬	0.28%	0.3%	6.4%	719.5 ▼	-50.6%	-76.4%	-22.7%	48.2 ▼	-5.2%	-42.7%	-42.5%				
VN30	2,019.9 ▼	-0.6%	-3.2%	2.7%	15,235.3 ▼	-10.3%	-31.9%	-25.6%	336.4 ▼	-21.9%	-33.9%	-38.2%				
VNMID	2,184.3 ▬	0.1%	-4.4%	-1.2%	7,982.6 ▼	-32.0%	-30.4%	-17.7%	313.0 ▼	-34.9%	-21.8%	-21.3%				
VNSML	1,474.3 ▬	0.09%	-2.3%	0.0%	1,199.6 ▼	-40.9%	-35.1%	-25.5%	81.6 ▼	-37.9%	-25.8%	-16.4%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	689.5 ▬	0.4%	-2.50%	11.1%	6,422.8 ▼	-31.37%	-36.2%	-31.9%	215.5 ▼	-37.8%	-32.1%	-32.2%				
Bất động sản	753.5 ▼	-4.9%	-3.0%	3.4%	4,241.2 ▲	28.2%	-3.8%	-8.1%	127.9 ▼	-13.3%	-21.0%	-9.2%				
Dịch vụ tài chính	320.6 ▼	-0.3%	-2.9%	4.0%	3,089.5 ▼	-39.9%	-38.9%	-19.3%	118.5 ▼	-42.5%	-39.6%	-18.8%				
Công nghiệp	271.6 ▲	1.2%	-7.8%	-2.3%	868.2 ▼	-47.5%	-53.6%	-38.6%	25.7 ▼	-47.9%	-47.8%	-28.8%				
Tài nguyên cơ bản	524.4 ▬	0.6%	-4.8%	-1.7%	708.8 ▼	-37.2%	-38.8%	-40.4%	31.5 ▼	-36.8%	-35.7%	-36.7%				
Xây dựng - Vật Liệu	179.4 ▼	-0.8%	-4.9%	0.7%	1,566.1 ▼	-3.1%	22.9%	41.1%	80.8 ▼	-0.5%	24.4%	53.4%				
Thực phẩm	543.7 ▼	-0.3%	-2.2%	-0.2%	2,002.3 ▼	-10.6%	-19.6%	2.5%	47.5 ▼	-20.3%	-13.7%	10.2%				
Bán Lẻ	1,565.8 ▲	1.9%	-3.5%	-1.7%	953.2 ▲	1.0%	-6.4%	13.3%	12.6 ▼	-11.0%	-20.4%	5.1%				
Công nghệ	543.8 ▲	3.3%	-6.7%	6.2%	1,194.8 ▼	-7.3%	-9.5%	22.6%	13.3 ▼	-11.8%	-12.9%	14.8%				
Hóa chất	201.7 ▲	2.15%	1.2%	33.5%	929.8 ▼	-37.2%	-38.5%	-8.2%	22.8 ▼	-42.6%	-40.0%	-14.8%				
Tiện ích	932.6 ▲	4.3%	0.6%	30.5%	1,023.2 ▼	-3.8%	9.9%	33.8%	26.5 ▼	-14.1%	-12.2%	-0.7%				
Dầu khí	108.2 ▲	4.82%	0.8%	36.6%	1,691.7 ▬	0.4%	4.1%	40.4%	50.4 ▼	-2.2%	-4.4%	17.1%				
Dược phẩm	450.1 ▬	0.2%	-0.7%	5.3%	55.9 ▲	13.4%	-7.1%	21.6%	3.2 ▲	42.6%	30.8%	74.3%				
Bảo hiểm	109.1 ▲	1.6%	-4.8%	17.4%	106.1 ▼	-31.8%	-25.2%	-12.3%	2.0 ▼	-36.4%	-33.2%	-25.8%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,830.5 ▼	-0.72%	44.5%	17.9x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,334 ▲	2.09%	-4.7%	14.0x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,980 ▬	0.05%	26.8%	22.4x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,955 ▲	1.22%	2.9%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,307 ▬	0.53%	-3.4%	10.5x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,140 ▬	0.18%	23.5%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	27,127 ▲	1.35%	35.2%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,334 ▬	0.85%	33.7%	22.4x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,950 ▬	0.50%	18.2%	27.8x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	49,412 ▬	0.64%	16.1%	25.6x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,187 ▬	0.37%	24.6%	15.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,969 ▬	0.18%	21.9%	18.0x	2.5x
DXV		97.0 ▼	-0.65%	-10.6%		
USDVND		26,135 ▼	-0.23%	2.6%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

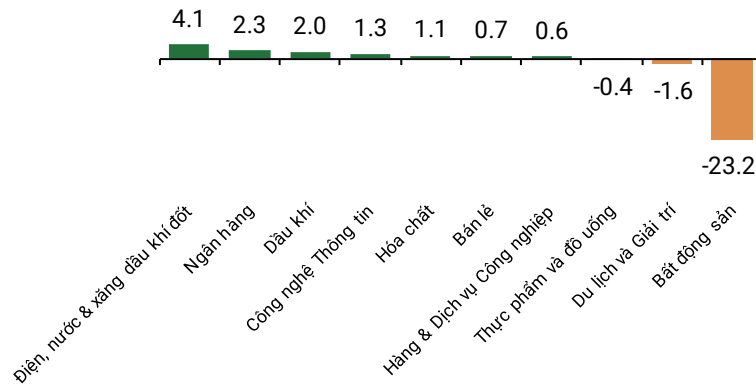
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.2%	8.0%	-12.3%	-15.0%
Dầu WTI	▬	0.1%	6.9%	-15.4%	-17.1%
Khí gas	▼	-3.9%	49.7%	79.9%	76.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-3.5%	-13.7%	-7.9%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	0.4%	-5.4%	-5.0%
PVC (*)	▬	0.0%	2.4%	-11.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	▲	1.2%	4.4%	15.3%	11.8%
Cao su thiên nhiên	▬	0.6%	2.1%	-5.3%	-5.2%
Bông Cotton	▼	-1.0%	-2.1%	-7.7%	-6.1%
Đường	▬	0.4%	-2.5%	-23.2%	-22.8%
World Container Index	▼	-9.5%	-0.04%	-41.8%	-35.8%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.3%	23.7%	75.9%	94.2%
Vàng	▲	2.1%	12.4%	94.1%	85.9%
Bạc	▲	9.4%	42.4%	290.5%	273.5%

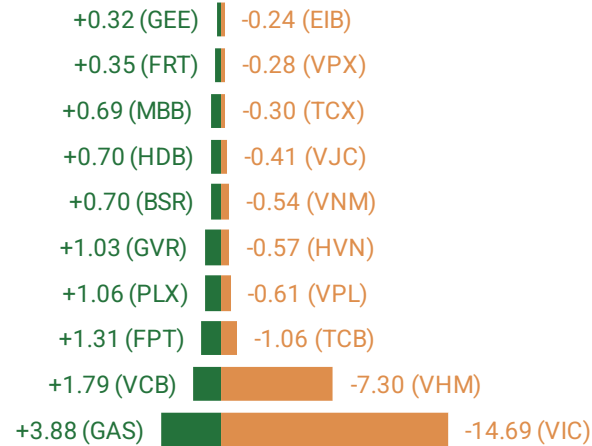
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

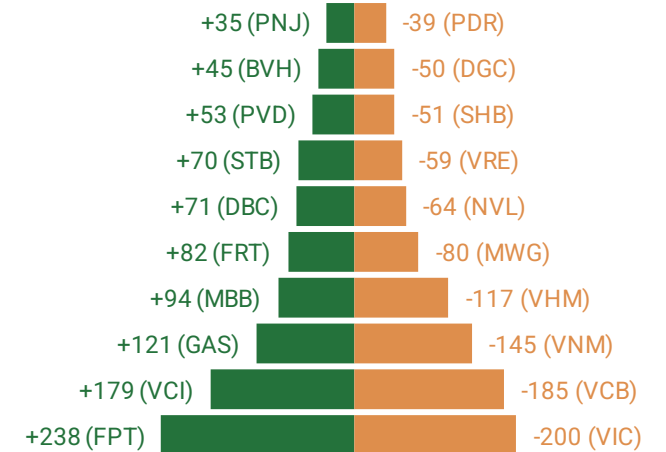
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



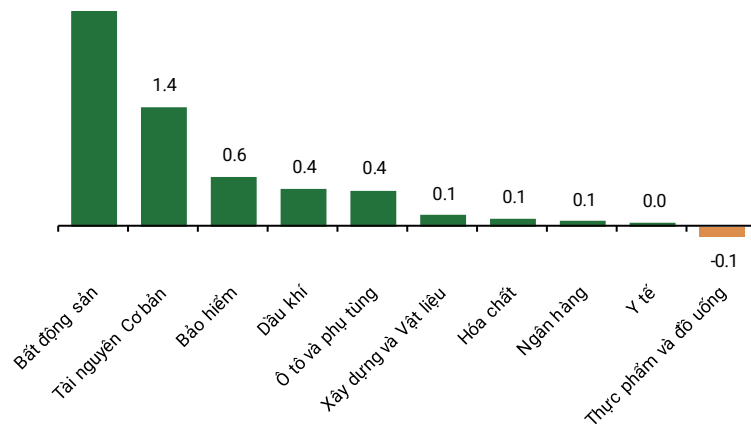
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



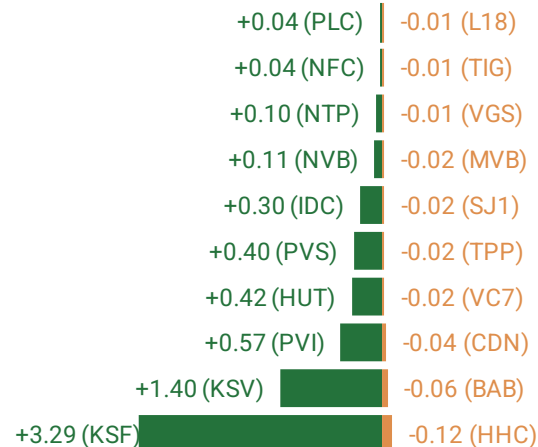
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



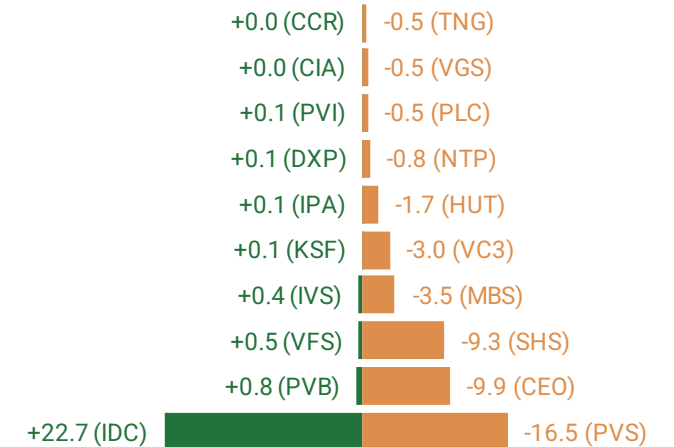
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



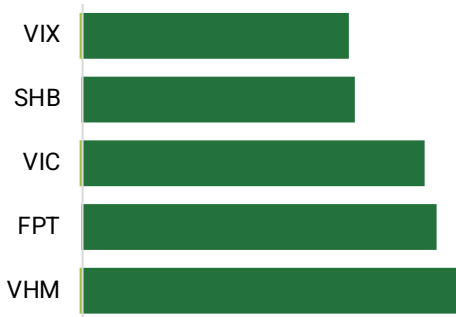
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VHM	FPT	VIC	SHB	VIX
%DoD	-7.0%	3.7%	-5.6%	1.9%	-0.7%
Giá trị	1,140	1,073	1,037	821	804

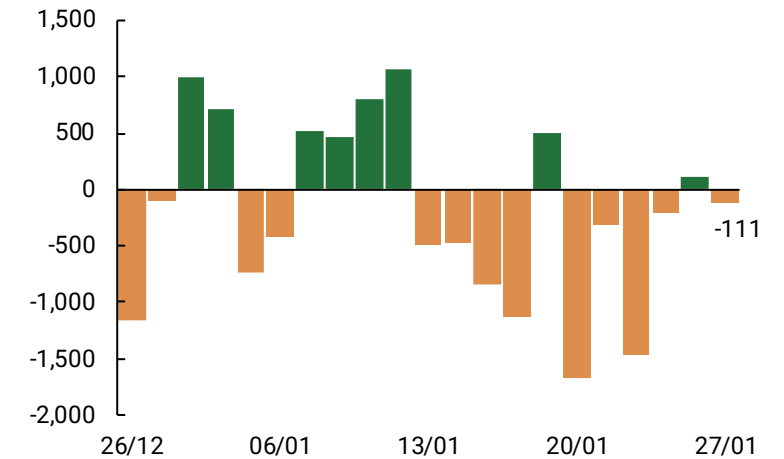
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HDB	MSN	VJC	TCB	FRT
%DoD	2.3%	-0.8%	-1.8%	-2.0%	6.6%
Giá trị	214	134	126	122	111

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



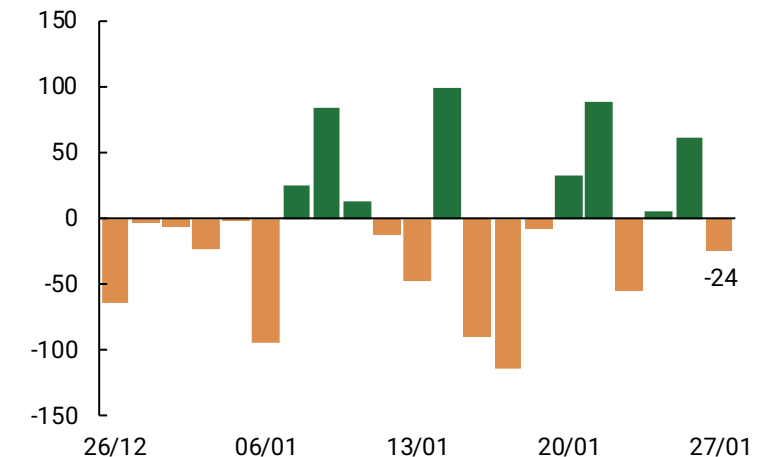
	PVS	IDC	SHS	CEO	MBS
%DoD	3.6%	3.2%	0.0%	0.5%	0.0%
Giá trị	501	192	143	140	72

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	KMT	IDC	DC2	CEO
%DoD	4.6%	-1.1%	3.2%	-9.2%	0.5%
Giá trị	13	7	5	4	2

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol giảm về dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

Kịch bản: Lực cung tiếp tục chiếm ưu thế. Chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI hạ nhiệt cho thấy động lượng tăng chững lại. Hỗ trợ duy trì quanh ngưỡng 1850 điểm đã bị phá vỡ, nếu các phiên tới chỉ số không phục hồi dao động lên trên ngưỡng này, đà giảm có thể chi phối với mục tiêu tìm về mốc hỗ trợ thấp hơn, quanh vùng tâm lý 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol giảm dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2000 – 2020.
- ✓ Kháng cự: 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

➔ Chỉ số đánh mất ngưỡng hỗ trợ 2050 điểm sẽ gia tăng khả năng kiểm định lại mốc tâm lý 2000 điểm. Dù giảm nhưng vol lại khá thấp cho thấy lực cầu bắt đáy chưa nhập cuộc. Nhịp bật tăng (nếu có) sẽ nghiêng về phục hồi kỹ thuật. Áp lực điều chỉnh có lẽ còn chi phối dao động các phiên tới.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	DBC	WATCH	Current price	28.55	P/E (x)	6.9
			Watch zone	27.6 - 28	P/B (x)	1.4
Exchange	HOSE		Target price	31	EPS	4149.6
			Cut loss price	26	ROE	21.7%
Sector	Farming & Fishing				Stock Rating	BBB
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

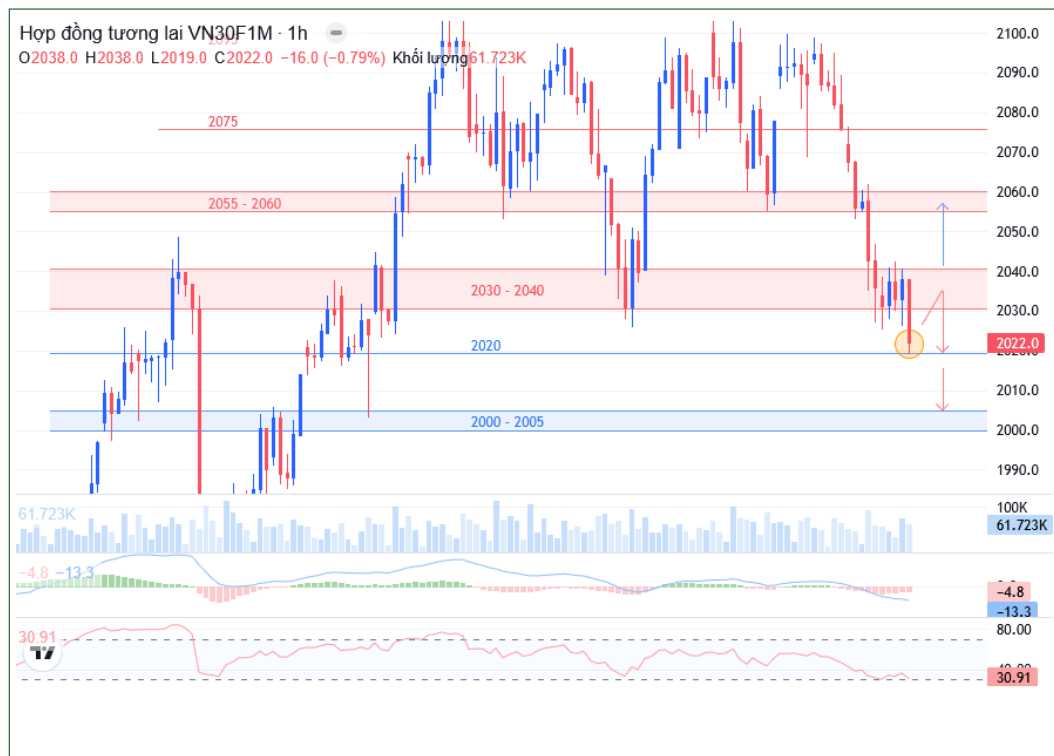
- Giá kiểm định tốt MA20 ngày quanh 27.5.
 - Nến tăng phủ định đã giảm phiên trước
 - Chỉ báo MACD vẫn duy trì trên đường tín hiệu, cùng với RSI vận động trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực cầu vẫn tham gia tốt.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh lành mạnh.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu các phiên tới giá tiếp tục củng cố nền giá tốt trên ngưỡng 28 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá theo dõi	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DBC	Theo dõi	28/01/2026	28.55	27.6 - 28	-	31.0	11.5%	26	-6.5%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ACV	Mua	22/01/2026	-	51.20	59 - 60	-13.9%	70.0	17.6%	54	-9.2%	
2	MSN	Mua	23/01/2026	-	76.70	79.4 - 79.9	-3.7%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
3	FPT	Mua	26/01/2026	-	102.10	100 - 101	1.6%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2022, giảm 14 điểm (-0.7%). Dù giá có nỗ lực phục hồi vào phiên chiều nhưng phần thắng vẫn nghiêng về phe cung.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI đang tiếp cận vùng quá bán, cùng với mẫu hình nến “rút chân” tại ngưỡng hỗ trợ 2020, cho thấy nhịp hồi kỹ thuật có khả năng tiếp tục. Dù vậy, xu hướng lớn vẫn đang nghiêng về điều chỉnh, nên theo dõi phản ứng tại khu vực cản gần quanh 2030 – 2040. Nếu giá phục hồi và suy yếu trở lại dưới vùng này, vị thế Short có thể tham gia, hoặc có thể cân nhắc khi giá tiếp tục sập gãy ngưỡng 2020. Trường hợp giá bật tăng trên ngưỡng 2042 vị thế Long mới nên cân nhắc.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1900, giảm 14.1 điểm (-0.7%). Độ lệch basis +6.6 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 85 HĐ. Hiện khu vực quanh 1900 điểm cũng là hỗ trợ ngắn hạn, trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 1925 điểm.

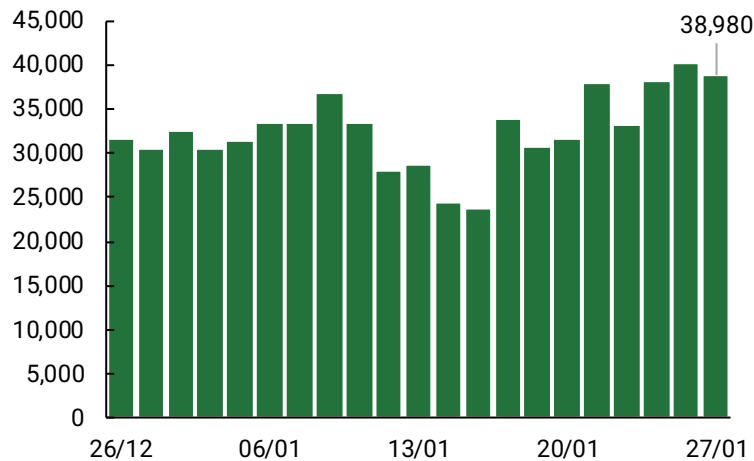
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 2030	2018	2040	12 : 10
Short	< 2018	2004	2026	14 : 08
Long	> 2042	2056	2034	14 : 08

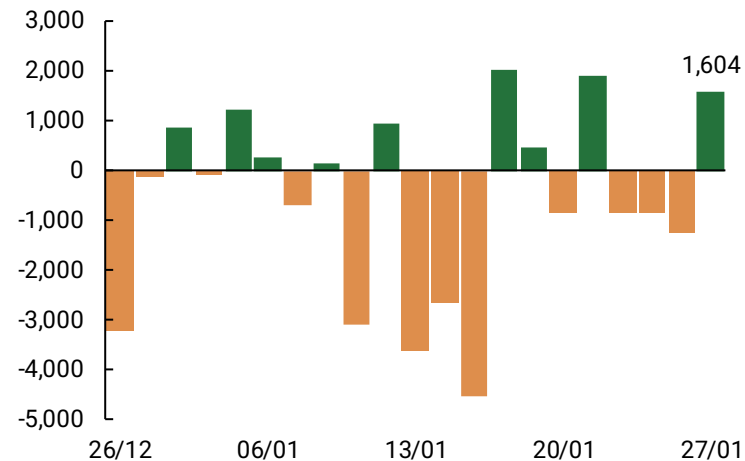
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G9000	2,017.8	-14.5	42	115	2,032.8	-15.0	17/09/2026	233
41I1G6000	2,019.8	-15.2	25	351	2,027.8	-8.0	18/06/2026	142
41I1G3000	2,020.0	-27.3	887	1,718	2,022.7	-2.7	19/03/2026	51
41I1G2000	2,022.0	-14.0	267,647	38,980	2,020.8	1.2	13/02/2026	17
41I2G2000	1,900.0	-14.1	85	34	1,894.3	5.7	13/02/2026	17

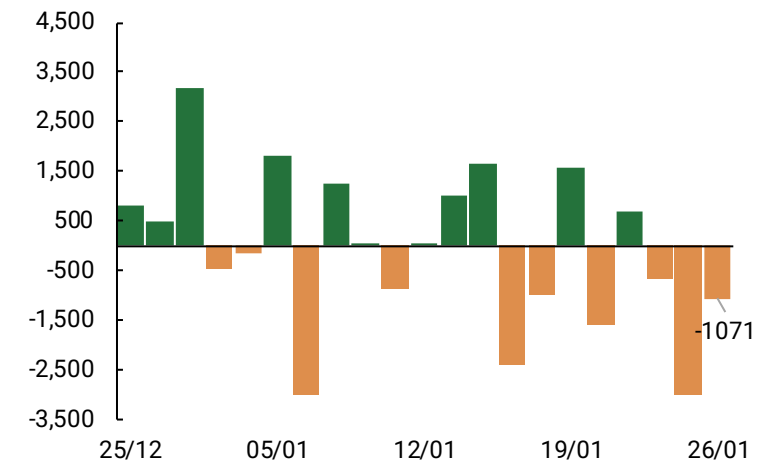
Khối lượng mở (Open interest)



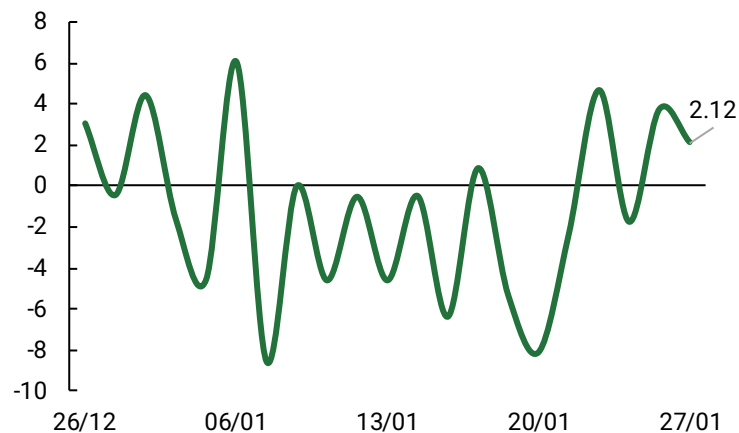
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



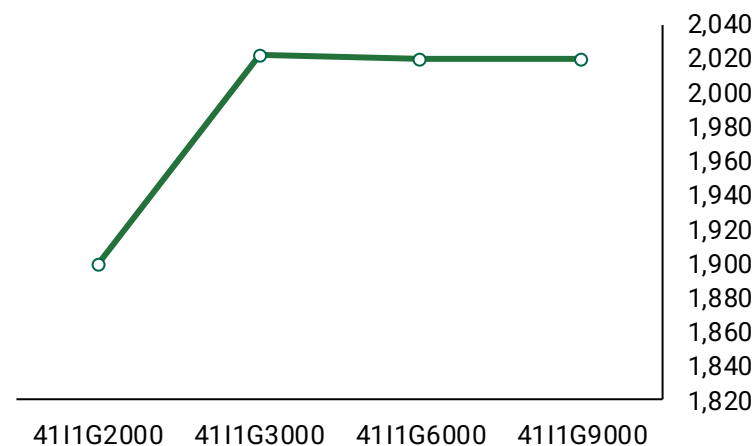
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



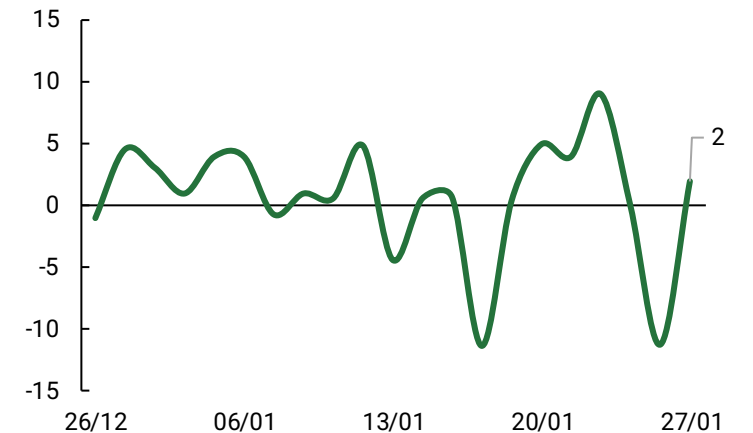
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	71,100	65,400	-8.0%	Giảm tỷ trọng
BCM	67,100	74,500	11.0%	Tăng tỷ trọng
CTD	77,300	87,050	12.6%	Tăng tỷ trọng
CTI	22,550	27,200	20.6%	Mua
DBD	51,600	68,000	31.8%	Mua
DDV	26,660	35,500	33.2%	Mua
DGC	67,500	99,300	47.1%	Mua
DGW	45,200	48,500	7.3%	Nắm giữ
DPG	44,200	53,100	20.1%	Mua
DPR	41,750	46,500	11.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,304	17,200	39.8%	Mua
EVF	11,500	14,400	25.2%	Mua
FRT	154,700	135,800	-12.2%	Bán
GMD	65,800	72,700	10.5%	Tăng tỷ trọng
HAH	56,800	67,600	19.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	25,750	33,800	31.3%	Mua
HHV	12,100	12,300	1.7%	Nắm giữ
HPG	26,450	30,200	14.2%	Tăng tỷ trọng
IMP	53,700	55,000	2.4%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,500	22,700	-14.3%	Bán
MSH	34,950	43,100	23.3%	Mua
MWG	85,000	92,500	8.8%	Nắm giữ
NLG	28,050	39,900	42.2%	Mua
NT2	26,650	27,400	2.8%	Nắm giữ
PHR	64,000	72,800	13.8%	Tăng tỷ trọng
PNJ	116,000	95,800	-17.4%	Bán
PVT	20,550	18,900	-8.0%	Giảm tỷ trọng
SAB	49,550	57,900	16.9%	Tăng tỷ trọng
TLG	51,000	53,400	4.7%	Nắm giữ
TCB	34,950	35,650	2.0%	Nắm giữ
TCM	26,800	37,900	41.4%	Mua
TRC	82,700	95,800	15.8%	Tăng tỷ trọng
VCG	19,800	26,200	32.3%	Mua
VHC	58,500	60,000	2.6%	Nắm giữ
VNM	67,700	66,650	-1.6%	Giảm tỷ trọng
VSC	20,000	17,900	-10.5%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 05/01 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 06/01 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
- 09/01 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 13/01 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/01 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 15/01 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
- 19/01 Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy
Việt Nam - Công bố thành phần VN30
- 20/01 Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 22/01 Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
- 28/01 Canada - BOC họp và công bố lãi suất
- 27 – 28/01 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
- 30/01 Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

THÔNG TIN VĨ MÔ

Ấn Độ và EU ký thỏa thuận thương mại lịch sử giữa cảng thẳng thuế quan với Mỹ: Ấn Độ và Liên minh châu Âu (EU) đã chính thức ký kết thỏa thuận thương mại tự do (FTA) được ca ngợi là “thỏa thuận của mọi thỏa thuận”, theo lời của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi trong bài phát biểu tại Tuần lễ Năng lượng Ấn Độ trong ngày 27/01.

Ông Trump dọa tăng thuế ô tô, dược phẩm Hàn Quốc từ 15% lên 25%: Hôm 26/1, Tổng thống Mỹ Donald Trump thông báo ông sẽ tăng thuế quan đối với ô tô, dược phẩm và gỗ Hàn Quốc từ 15% lên 25% do quốc gia châu Á chậm phê duyệt thỏa thuận thương mại mà hai bên đạt được vào mùa hè năm ngoái.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FPT - Lợi nhuận 2025 tăng gần 18%: FPT báo cáo doanh thu năm 2025 đạt 70,113 tỷ đồng, tăng 11.6%, lợi nhuận trước thuế đạt 13,039 tỷ đồng, tăng 17.8%, lần lượt thực hiện 93% và 97% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ tăng 19.3%, EPS tăng 21.4%. Khối Công nghệ đóng góp 63% doanh thu, trong đó dịch vụ CNTT nước ngoài tăng trưởng mạnh nhờ thị trường Nhật Bản, với doanh thu 35,382 tỷ đồng, tăng 14.3%. Khối Viễn thông, Hệ sinh thái sản phẩm Made-by-FPT và chuyển đổi số tiếp tục tăng trưởng tích cực. FPT triển khai AI Factory, ký hợp đồng kỷ lục, mở rộng M&A. Kết quả cho thấy hiệu quả hoạt động và tăng trưởng bền vững.

PAN - Tập đoàn PAN Giảm 7,891 tỷ đồng nợ vay trong năm 2025: Năm 2025, Tập đoàn PAN ghi nhận doanh thu tăng 8.7% đạt 17,588.13 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ tăng 10.4% đạt 672,23 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch năm. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 25.2% xuống 20.5%, khiến lợi nhuận gộp giảm 17.9%. Tuy nhiên, chi phí tài chính giảm 19% và chi phí quản lý giảm 46,5%, đồng thời tổng nợ vay giảm mạnh 67.4% còn 3,808.7 tỷ đồng, cải thiện cấu trúc tài chính.

PPC - Lợi nhuận năm 2025 của Nhiệt điện Phả Lại giảm 60%: Quý IV/2025, PPC giảm 30.5% lợi nhuận sau thuế còn 125.7 tỷ đồng do sản lượng điện bán thấp hơn gần 150 triệu Kwh và chi phí sửa chữa tăng mạnh. Lũy kế năm 2025, doanh thu giảm 15% còn 6,565 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế giảm 60% còn 169.8 tỷ đồng, chỉ hoàn thành hơn 50% kế hoạch lợi nhuận năm. Tổng tài sản giảm 5%, nợ ngắn hạn giảm 23%, tiền mặt tăng mạnh lên 435 tỷ đồng.

VPB - VPBank và DMX ra mắt thẻ tín dụng đầu tiên trong lĩnh vực bán lẻ điện tử tiêu dùng VPBank MWG Mastercard: VPBank phối hợp DMX ra mắt thẻ tín dụng VPBank MWG Mastercard chuyên biệt cho bán lẻ điện tử tiêu dùng. Thẻ mang đến ưu đãi hoàn tiền lên đến 10% tại hệ sinh thái MWG, bao gồm Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh, cùng hoàn tiền 4% cho thời trang, ăn uống. Khách hàng được thưởng điểm, hoàn tiền 400,000 đồng khi chi tiêu từ 2,000,000 đồng trong 30 ngày đầu và miễn phí thường niên khi thỏa điều kiện chi tiêu. Sản phẩm tận dụng thế mạnh 2 bên, đáp ứng nhu cầu tài chính linh hoạt, nâng cao trải nghiệm mua sắm hiện đại.

GAS ngược dòng, hé lộ loạt hợp đồng nghìn tỷ vừa ký kết: Cổ phiếu tăng mạnh gần đây bất chấp thị trường chứng khoán chung suy yếu. Động lực được thúc đẩy bởi loạt hợp đồng kinh tế quy mô lớn vừa ký kết từ đầu năm – gồm thỏa thuận mua bán khí Khánh Mỹ – Đầm Dơi, cơ chế thanh toán khí LNG cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & 4 và hợp đồng cung cấp khí ổn định cho PVFCCo trong năm 2026.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415